

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 53/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2017, giữa:

+ *Nguyên đơn*: Chị **Trương Thị H**, sinh năm 1976.
Nơi ĐKKHKT: phố L, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình.
Chỗ ở: Khu E, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

+ *Bị đơn*: Anh **Bùi Văn C**, sinh năm 1975.
Địa chỉ: phố L, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ngân hàng A

Địa chỉ trụ sở: Số x L H, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn H** – Giám đốc Phòng Giao dịch M – Chi nhánh Ngân hàng A huyện T. (Theo văn bản ủy quyền số 5xx/QĐ-HĐTV-PC, ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên ngân hàng A và văn bản số 9x/NHN₀TL-UQ, ngày 12/5/2017 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng A huyện T).

Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: phố L, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, khoản 1 Điều 59, Điều 60 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị H và anh Bùi Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trương Thị H và anh Bùi Văn C thuận tình ly hôn nhau.

2.2. *Về con chung*: Chị Trương Thị H và anh Bùi Văn C có 02 con chung là Bùi Thu T, sinh ngày 13/6/1994 và Bùi Phi H, sinh ngày 21/02/1998. Hiện nay các con chung đã trưởng thành (trên 18 tuổi), đã lập gia đình riêng nên chị Trương Thị H và anh Bùi Văn C không có ý kiến gì về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. *Về tài sản chung*: Chị Trương Thị H và anh Bùi Văn C cùng thoả thuận về tài sản và đề nghị Tòa án công nhận như sau:

Tài sản chung có 01 ngôi nhà hai tầng một tum làm trên thửa đất rộng 265m² tại phố L, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình hiện anh C đang ở. Một thửa đất có chiều rộng theo mặt đường Quốc lộ 6 là 20m tại khu vực P (gần nhà máy S), có diện tích là 1.500m², thuộc phố L, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình hiện đang cho bà Lê Thị T thuê. Khi ly hôn, chị Trương Thị H và anh Bùi Văn C thoả thuận:

Đối với căn nhà tại phố L, xã P, huyện T, tỉnh Hòa Bình có giá trị là 800.000.000 (*tám trăm triệu*) đồng, tương ứng mỗi bên được hưởng giá trị tài sản là 400.000.000 (*Bốn trăm triệu*) đồng. Sau khi trừ đi khoản nợ Ngân hàng A chi nhánh huyện T số tiền 75.000.000 (*Bảy mươi lăm triệu*) đồng thì mỗi bên còn được hưởng giá trị tài sản tương đương 362.500.000 (*Ba trăm sáu mươi hai triệu, năm trăm nghìn*) đồng. Anh Bùi Văn C được sở hữu ngôi nhà này và có nghĩa vụ thanh toán trả khoản nợ cho Ngân hàng A– Chi nhánh huyện T số tiền 75.000.000 (*Bảy mươi lăm triệu*) đồng và trả phần chênh lệch tài sản cho chị Trương Thị H là 362.500.000 000 (*Ba trăm sáu mươi hai triệu, năm trăm nghìn*) đồng.

Đối với thửa đất tại khu P, chị Trương Thị H và anh Bùi Văn C đều nhất trí tiếp tục để cho bà Lê Thị T thuê cho đến hết hạn hợp đồng vào ngày 30/12/2020. Sau đó, chị H, anh C tự chia mỗi người 10m theo chiều mặt đường Quốc lộ 6.

2.4. *Về nợ chung*: Chị Trương Thị H và anh Bùi Văn C có nợ Ngân hàng A– Chi nhánh huyện T, tỉnh Hòa Bình khoản nợ là 75.000.000 (*Bảy mươi lăm triệu*) đồng phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 3xxxLAV2016050333 đã ký kết ngày 17/10/2016. Anh Bùi Văn C nhận nghĩa vụ thanh toán khoản nợ này cho Ngân hàng A– Chi nhánh huyện T khi đến hạn 17/10/2017.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.5. *Về án phí*: Chị Trương Thị H nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001360 ngày 13/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc; chị

Trương Thị H còn được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Viện KSND huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tân Lạc;
- UBND xã P– Tân Lạc – Hòa Bình;
(Nơi đăng ký kết hôn ngày 02/01/1993);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn